

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 30/06/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5

Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Từ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/07/2020)
	Ông Nguyễn Kinh Kha	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/07/2020)
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/07/2020)
	Ông Trần Đạt Thịnh	Thành viên
	Ông Phạm Quốc Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Từ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Hanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Từ

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2020

Số: 264/DFK-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020, từ trang 03 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được kiểm toán viên khác soát xét; Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo soát xét với ý kiến có dạng chấp



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0985-2018-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 08 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.950.937.900.954	1.592.128.824.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	464.017.968.553	346.058.357.323
1. Tiền	111		459.513.621.657	343.054.012.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.504.346.896	3.004.344.369
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	13.018.155.110	16.997.199.804
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.018.155.110	13.018.155.110
2. Giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.979.044.694
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		991.037.770.805	832.667.158.849
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	413.820.975.652	531.300.983.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	341.919.943.007	57.215.258.783
3. Các khoản phải thu khác	136	8	235.296.852.146	244.150.916.577
IV. Hàng tồn kho	140	9	463.474.615.972	392.144.248.255
1. Hàng tồn kho	141		463.474.615.972	392.144.248.255
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.389.390.514	4.261.860.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		680.287.750	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.548.720.396	-
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		9.160.382.368	4.261.860.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.115.570.528	94.595.769.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.286.898.408	70.440.206.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	68.253.670.306	70.373.750.730
Nguyên giá	222		108.362.144.554	108.362.144.554
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.108.474.248)	(37.988.393.824)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	33.228.102	66.456.228
Nguyên giá	228		863.931.250	863.931.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(830.703.148)	(797.475.022)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23.000.000.000	23.000.000.000
1. Đầu tư nắm đến ngày đáo hạn	255	12	23.000.000.000	23.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		828.672.120	1.155.562.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		828.672.120	1.155.562.841
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.043.053.471.482	1.686.724.594.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.718.152.461.078	1.338.527.439.435
I. Nợ ngắn hạn	310		1.648.016.642.675	1.265.757.450.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	332.087.032.495	403.217.536.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	725.207.758.673	291.678.735.591
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		31.987.200	3.216.840.791
4. Phải trả công nhân viên	314		2.192.436.020	137.235.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.838.315.557	4.498.927.375
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	66.607.840.390	34.024.351.078
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	513.211.816.367	523.076.845.027
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		6.839.455.973	5.906.979.398
II. Nợ dài hạn	330		70.135.818.403	72.769.988.903
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		27.836.500.000	30.346.617.500
2. Phải trả dài hạn khác	337		26.929.409.906	27.053.462.906
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		15.369.908.497	15.369.908.497
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.901.010.404	348.197.154.947
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	324.901.010.404	348.197.154.947
1. Vốn điều lệ	411		149.845.500.000	149.845.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		149.845.500.000	149.845.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.510.000)	(10.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.657.688.034	73.657.688.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.458.332.370	103.754.476.913
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		70.072.802.338	69.984.691.326
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.385.530.032	33.769.785.587
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.043.053.471.482	1.686.724.594.382



Phan Chí Hiếu
Người lập
Ngày 10 tháng 08 năm 2020






Bùi Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng	01		800.741.560.851	1.308.047.682.205
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	18	800.741.560.851	1.308.047.682.205
4. Giá vốn hàng bán	11	19	762.629.643.268	1.251.473.570.909
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.111.917.583	56.574.111.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.108.796.032	1.580.487.782
7. Chi phí tài chính	22	21	18.460.526.628	15.190.734.390
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.410.712.198</i>	<i>15.190.734.390</i>
8. Chi phí bán hàng	24		428.147.407	516.052.177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.426.112.890	9.782.706.888
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.905.926.690	32.665.105.623
11. Thu nhập khác	31		-	9.090.909
12. Chi phí khác	32		148.900	25.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(148.900)	(15.909.091)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.905.777.790	32.649.196.532
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.520.247.758	6.498.933.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.385.530.032	26.150.262.926
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	658	2.063


Phan Chí Hiếu
Người lập
Ngày 10 tháng 08 năm 2020


Bùi Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2019
đến 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	12.905.777.790	32.649.196.532
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.153.308.550	2.230.332.531
Các khoản dự phòng	03	-	(260.166.636)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.940.584.818)	(1.029.212.169)
Chi phí lãi vay	06	18.410.712.198	15.190.734.390
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.529.213.720	48.780.884.648
Tăng các khoản phải thu	09	(143.262.548.529)	(376.445.378.592)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(71.330.367.717)	494.123.312.452
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	334.546.732.369	(284.131.200.429)
Tăng chi phí trả trước	12	(353.397.029)	(4.336.458.203)
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.090.999.948)	(19.316.683.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.351.422.488)	(5.795.857.731)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.782.200.000)	(3.463.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	120.905.010.378	(150.584.831.171)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	9.090.909
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.979.044.694	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	2.940.584.818	1.011.030.351
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.919.629.512	3.420.121.260
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	987.995.642.153	524.932.970.733
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(997.860.670.813)	(399.216.976.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.865.028.660)	125.715.994.322
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	117.959.611.230	(21.448.715.589)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	346.058.357.323	313.908.471.337
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	464.017.968.553	292.459.755.748

Phan Chí Hiếu

Người lập

Ngày 10 tháng 08 năm 2020

Bùi Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phạm Văn Từ

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4103002004, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười sáu (16) ngày 30/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

Chi tiết các đơn vị trực thuộc tại ngày 30/06/2020 như sau:

STT	Tên công ty con	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Xây dựng Số 1	Xây dựng công trình
2	Xí nghiệp Xây dựng Số 2	Xây dựng công trình
3	Xí nghiệp Xây dựng Số 3	Xây dựng công trình
4	Xí nghiệp Xây dựng Số 4	Xây dựng công trình
5	Xí nghiệp Xây dựng Số 5	Xây dựng công trình
6	Xí nghiệp Xây dựng Số 6	Xây dựng công trình
7	Xí nghiệp Xây dựng Số 9	Xây dựng công trình
8	Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý Dịch vụ	Xây dựng công trình
9	Xí nghiệp Cơ giới và Thiết bị	Xây dựng công trình
10	Xí nghiệp Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Xây dựng công trình
11	Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng	Xây dựng công trình
12	Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư – Thương mại và Dịch vụ	Kinh doanh vật tư xây dựng

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ HOẠT ĐỘNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ hoạt động

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ hoạt động 06 tháng của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ hoạt động và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ hoạt động sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ hoạt động về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	39.352.389.773	33.177.218.777
Tiền gửi ngân hàng	420.161.231.884	309.876.794.177
Các khoản tương đương tiền	4.504.346.896	3.004.344.369
	<u>464.017.968.553</u>	<u>346.058.357.323</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

MÃU B 09a-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020		Dự Phòng VND	Dự Phòng VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
Cổ phiếu OTC, bao gồm:						
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	(*)	-	1.081.650.000	-	(*)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	729.500.000	(*)	-	729.500.000	-	(*)
Công ty CP Xây dựng Số 14 (CC14)	5.137.544.110	(*)	-	5.137.544.110	-	(*)
Công ty CP Thủy điện Dakr'ti	6.069.461.000	(*)	-	6.069.461.000	-	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, bao gồm						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	-	-	-	3.979.044.694	-	-
	13.018.155.110	-	-	16.997.199.804	-	3.979.044.694

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC. Các khoản đầu tư này đang ghi nhận theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý đầu tư - xây dựng công trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP . HCM	15.054.702.905	7.991.575.759
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	50.115.528.555	5.264.115.506
Ban quản lý dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP . Đà Nẵng	18.634.647.122	15.478.489.572
Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	79.764.304.003	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại - Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông	59.623.565.200	59.623.565.200
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình Thủy lợi Đồng Nai	15.069.110.874	2.215.230.689
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	10.610.407.823	8.974.417.374
Phải thu của các khách hàng khác	164.948.709.170	431.753.589.389
	<u>413.820.975.652</u>	<u>531.300.983.489</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Xây dựng Hưng Tú - 3A - Bà Rịa	6.820.236.207	6.820.236.207
Công ty MTV Bá Đức - Gói 3A - Bà Rịa	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Bạch Đằng Đà Nẵng	9.950.426.182	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng DACINCO	74.352.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp E. Nhất	24.572.492.406	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thanh Trọng Hiếu	110.913.309.900	17.461.599.900
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Bảo Lâm Phương	8.438.182.500	-
Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	7.279.872.000	-
Công ty CP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	9.880.028.298	-
Công ty CP VIWASEEN3	8.065.930.162	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mã Thượng	15.023.327.579	-
Công ty CP HD Huy Hoàng	16.828.909.000	-
Công ty CP Xây dựng Đông Nam Á	13.942.168.669	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Quang Đức Khác	8.108.550.000	-
	22.244.510.104	27.433.422.676
	<u>341.919.943.007</u>	<u>57.215.258.783</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	189.881.759.960	191.500.461.385
Đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	760.458.818	456.237.210
Công ty TNHH Đầu tư Sato	34.031.011.935	34.031.011.935
Phải thu khác	10.623.621.433	18.163.206.047
	<u>235.296.852.146</u>	<u>244.150.916.577</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nguyên vật liệu	107.018.580.243	48.441.027.511
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	356.456.035.729	343.703.220.744
	463.474.615.972	392.144.248.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	463.474.615.972	392.144.248.255

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
Tại ngày 30/06/2020	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	(32.679.073.346)	(4.034.291.260)	(1.105.349.133)	(169.680.085)	(37.988.393.824)
Khấu hao trong kỳ	(1.786.210.664)	(301.566.730)	-	(32.303.030)	(2.120.080.424)
Tại ngày 30/06/2020	(34.465.284.010)	(4.335.857.990)	(1.105.349.133)	(201.983.115)	(40.108.474.248)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	69.464.177.938	811.966.730	-	97.606.062	70.373.750.730
Tại ngày 30/06/2020	67.677.967.274	510.400.000	-	65.303.032	68.253.670.306

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất
NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2020	863.931.250
Tại ngày 30/06/2020	863.931.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2020	(797.475.022)
Khấu hao trong kỳ	(33.228.126)
Tại ngày 30/06/2020	(830.703.148)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2020	66.456.228
Tại ngày 30/06/2020	33.228.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. ĐẦU TƯ NĂM ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3	23.000.000.000	23.000.000.000
	23.000.000.000	23.000.000.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Cúc Phương	11.826.095.859	20.363.680.859
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng An Thanh Hải	8.266.973.285	22.642.383.204
Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	34.289.490.083	16.208.453.960
Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Thuận An	11.701.646.524	14.432.416.787
Các nhà cung cấp khác	266.002.826.744	329.570.601.462
	332.087.032.495	403.217.536.272

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách hàng ứng trước các công trình xây lắp	724.994.188.756	288.940.906.171
Khách hàng ứng trước các dịch vụ khác	213.569.917	2.737.829.420
	725.207.758.673	291.678.735.591

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	630.171.634	636.336.634
Bảo hiểm xã hội	51.667.272	76.752.272
Cổ tức phải trả cổ đông	29.967.133.400	135.400
Phải trả các đội nhận khoán thi công các công trình xây lắp	14.263.211.341	19.031.542.399
Kinh phí bảo trì tạm thu của các căn hộ trong các dự án chung cư	2.526.868.335	5.951.363.971
Ông Nguyễn Văn Cường	10.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.168.788.408	8.328.220.402
	66.607.840.390	34.024.351.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	471.150.367.145	444.210.899.429
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	42.061.449.222	58.589.842.358
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	-	20.276.103.240
	<u>513.211.816.367</u>	<u>523.076.845.027</u>

Tại ngày 16/08/2019 Công ty đã ký hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3, với hạn mức 700.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là không quá 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho quy định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm thế chấp tài sản gắn liền với đất và quyền tài sản được quy định cụ thể trong các hợp đồng thế chấp giữa Công ty và Ngân hàng

Tại ngày 18/10/2019 Công ty đã ký thông báo tín dụng với Ngân hàng TMCP xăng Dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn, với hạn mức 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là không quá 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09a-DN****17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	104.713.777.891	349.156.455.925
Lợi nhuận	-	-	-	-	33.769.785.587	33.769.785.587
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(4.762.088.565)	(4.762.088.565)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
Tại ngày 31/12/2019	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	103.754.476.913	348.197.154.947
Lợi nhuận	-	-	-	-	10.385.530.032	10.385.530.032
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(3.714.676.575)	(3.714.676.575)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
Tại ngày 30/06/2020	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	80.458.332.370	324.901.010.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.984.550	14.984.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.984.550	14.984.550
Cổ phiếu phổ thông	14.984.550	14.984.550
Cổ phiếu quỹ	1.051	1.051
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.983.499	14.983.499
- Cổ phần phổ thông	<u>14.983.499</u>	<u>14.983.499</u>
Mệnh giá: 10.000 VND		

18. DOANH THU THUẬN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	771.052.600.726	1.035.368.032.861
Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.814.268.662	7.730.181.821
Doanh thu kinh doanh nhà	19.874.691.463	264.949.467.523
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>800.741.560.851</u>	<u>1.308.047.682.205</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	736.175.544.767	982.614.023.615
Giá vốn kinh doanh nhà	9.777.438.712	7.693.818.186
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.676.659.789	261.165.729.108
	<u>762.629.643.268</u>	<u>1.251.473.570.909</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay	2.636.045.818	856.501.851
Doanh thu hoạt động tài chính khác	168.211.214	569.457.431
Cổ tức được chia	304.539.000	154.528.500
	<u>3.108.796.032</u>	<u>1.580.487.782</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	18.410.712.198	15.190.734.390
Khác	49.814.430	-
	<u>18.460.526.628</u>	<u>15.190.734.390</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.905.777.790	32.649.196.532
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	(304.539.000)	(154.528.500)
Thu nhập từ nhận cổ tức	(304.539.000)	(154.528.500)
Thu nhập chịu thuế	12.601.238.790	32.494.668.032
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.520.247.758	6.498.933.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.520.247.758	6.498.933.606

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.385.530.032	26.150.262.926
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(519.276.502)	4.762.088.565
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.866.253.530	30.912.351.491
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.983.499	14.983.499
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	658	2.063

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.503.560.037	392.526.735.413
Chi phí nhân công	33.169.130.545	29.710.481.589
Chi phí sử dụng máy thi công	111.553.304.566	109.837.821.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.000.440.959	143.539.691.769
Chi phí khác	53.267.253.141	62.037.329.574
770.493.689.248	770.493.689.248	737.652.059.693

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
Lương và các khoản thu nhập khác	913.000.000	1.933.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp; Đầu tư và kinh doanh Bất động sản; Cung cấp vật tư và dịch vụ khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc tại 30/06/2020 như sau:

	Xây lắp VND	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản VND	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác VND	Tổng VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	608.931.134	-	67.677.967.274	68.286.898.408
Các khoản phải thu	979.613.064.711	6.183.710.462	5.240.995.632	991.037.770.805
Hàng tồn kho	432.079.199.428	31.395.416.544	-	463.474.615.972
Tài sản chung	-	-	-	520.254.186.297
Tổng tài sản	1.412.301.195.273	37.579.127.006	72.918.962.906	2.043.053.471.482
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	1.176.929.432.282	27.836.500.000	174.712.429	1.204.940.644.711
Phải trả tiền vay	513.211.816.367	-	-	513.211.816.367
Tổng nợ phải trả	1.690.141.248.649	27.836.500.000	174.712.429	1.718.152.461.078

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020:

	Xây lắp VND	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản VND	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	771.052.600.726	9.814.268.662	19.874.691.463	800.741.560.851
Kết quả kinh doanh bộ phận	34.877.055.959	36.829.950	3.198.031.674	38.111.917.583
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	38.111.917.583
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	3.108.796.032
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(18.460.526.628)
Thu nhập khác	-	-	-	(9.854.409.197)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	12.905.777.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(2.520.247.758)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	10.385.530.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc tại 30/06/2019 như sau:

	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh	Cung cấp vật tư và	Tổng
	VND	Bất động sản	dịch vụ khác	VND
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	976.029.020	-	69.464.177.938	70.440.206.958
Các khoản phải thu	821.316.336.369	6.912.688.762	4.438.133.718	832.667.158.849
Hàng tồn kho	363.147.377.307	28.996.870.948	-	392.144.248.255
Tài sản chung	-	-	-	391.472.980.320
Tổng tài sản	1.185.439.742.696	35.909.559.710	73.902.311.656	1.686.724.594.382
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	784.896.426.540	30.346.617.500	207.550.368	815.450.594.408
Phải trả tiền vay	523.076.845.027	-	-	523.076.845.027
Tổng nợ phải trả	1.307.973.271.567	30.346.617.500	207.550.368	1.338.527.439.435

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019:

	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh	Cung cấp vật tư và	Tổng
	VND	Bất động sản	dịch vụ khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.035.386.032.861	7.730.181.821	264.949.467.523	1.308.065.682.205
Kết quả kinh doanh bộ phận	52.745.009.246	36.363.635	3.783.738.415	56.565.111.296
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	56.565.111.296
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	1.580.487.782
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(15.190.734.390)
Thu nhập khác	-	-	-	(10.314.668.156)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	32.649.196.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(6.498.933.606)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	26.150.262.926

27. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



Phan Chí Hiếu

Người lập

Ngày 10 tháng 08 năm 2020



Bùi Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phạm Văn Từ

Tổng Giám đốc